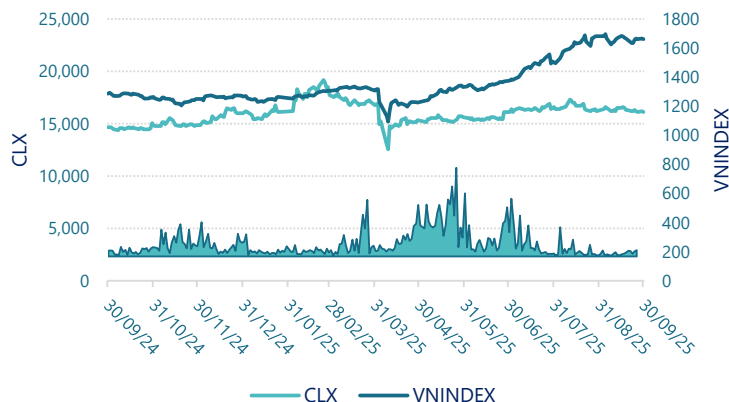




CTCP Xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) (UPCOM: CLX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,176
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,561
SL cổ phiếu LH	86,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	83,450
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,394
P/E	6.9
EPS	2,338

DT thuần

Q3/25

128

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 4.1%

YoY: ▲ 1.00 | 0.8%

LN sau thuế

Q3/25

52.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.30 | -2.5%

YoY: ▲ 0.60 | 1.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

45.3%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

9T 2025

374

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.0 | -2.5%

LN sau thuế

9T 2025

155

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00 | 3.4%

ROE

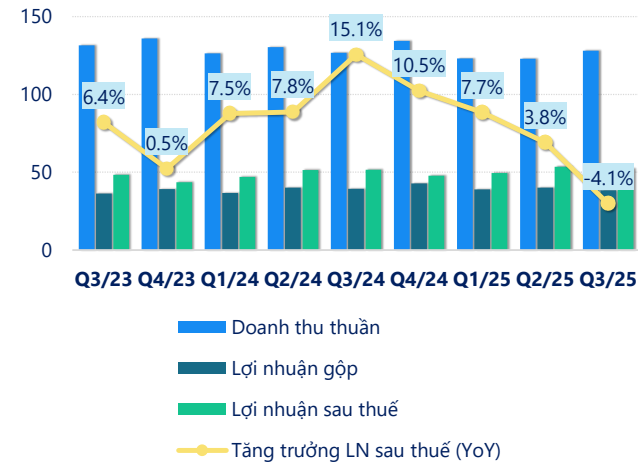
Q3/25

11.0%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

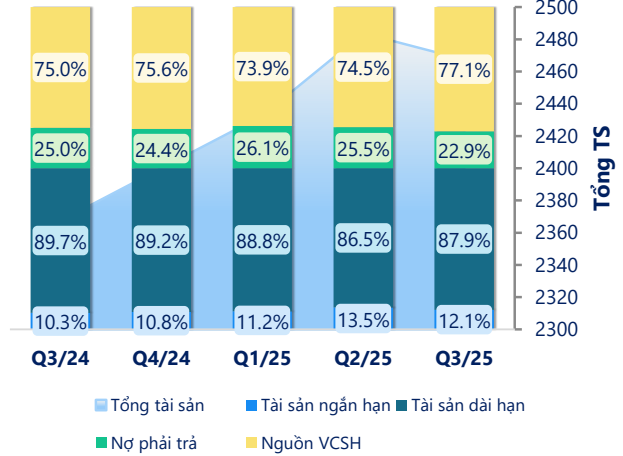
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

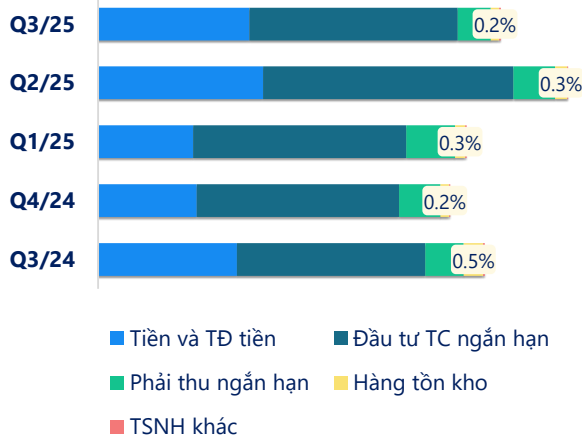
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



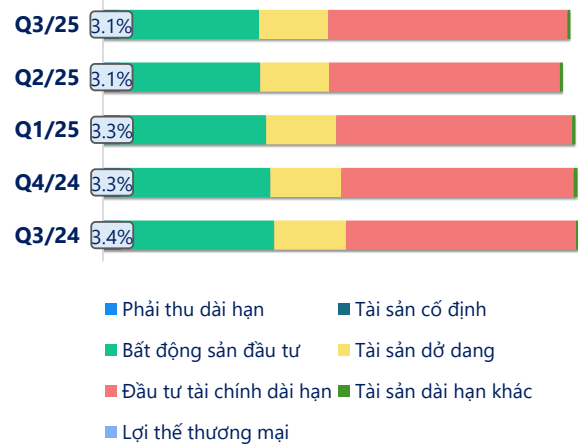
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

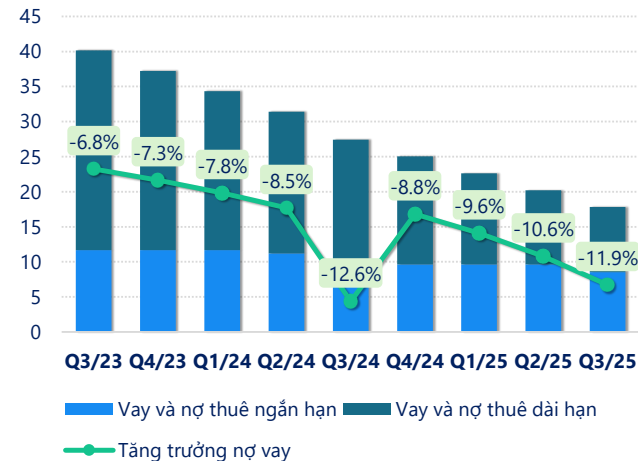
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

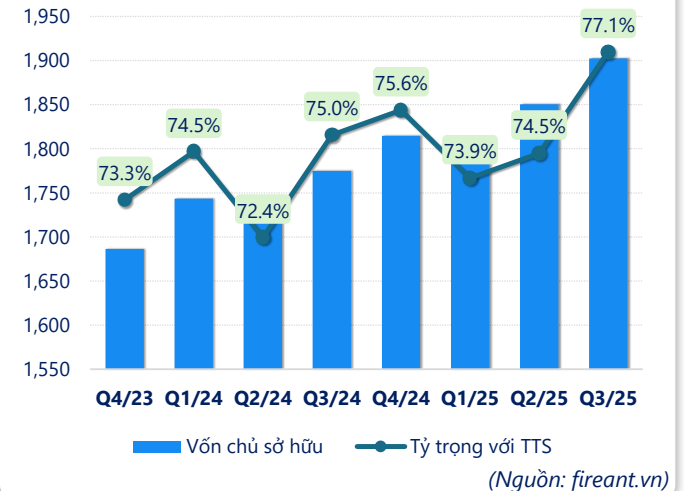
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

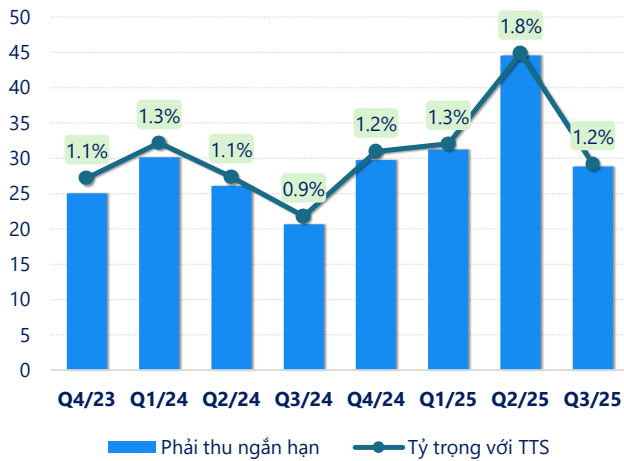
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



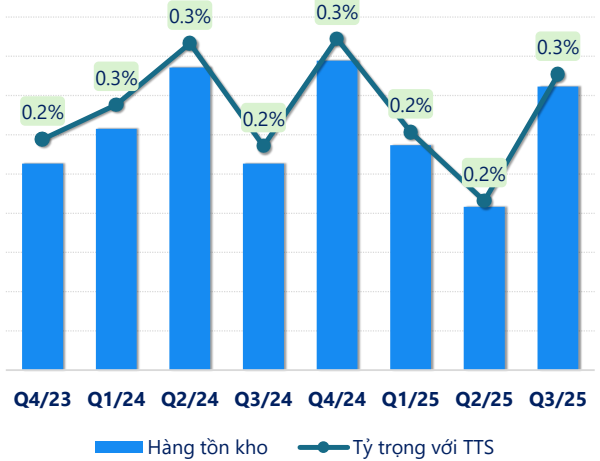
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


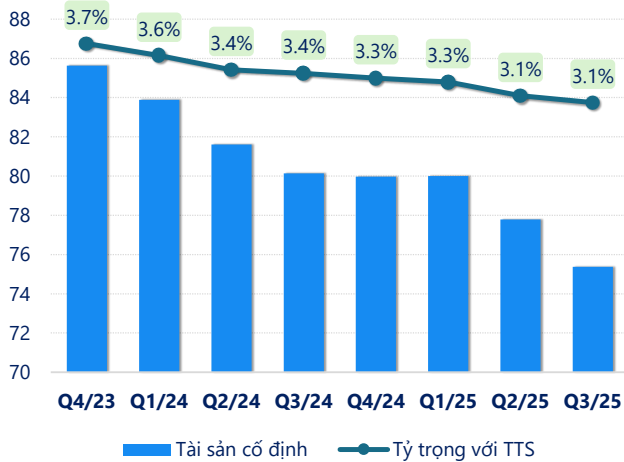
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


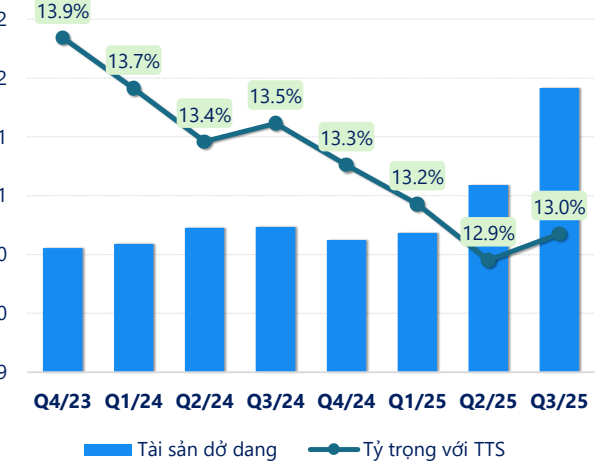
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

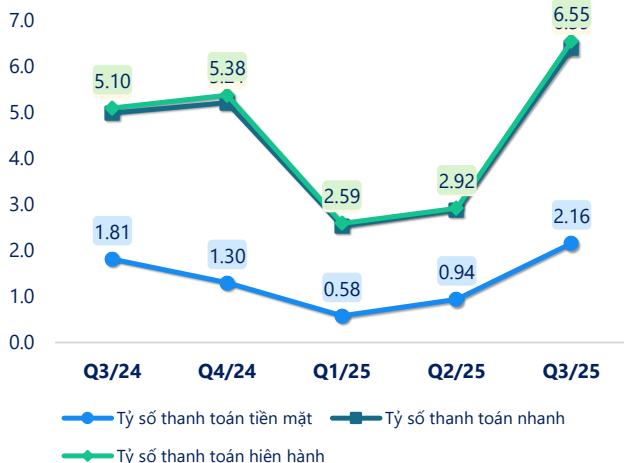
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

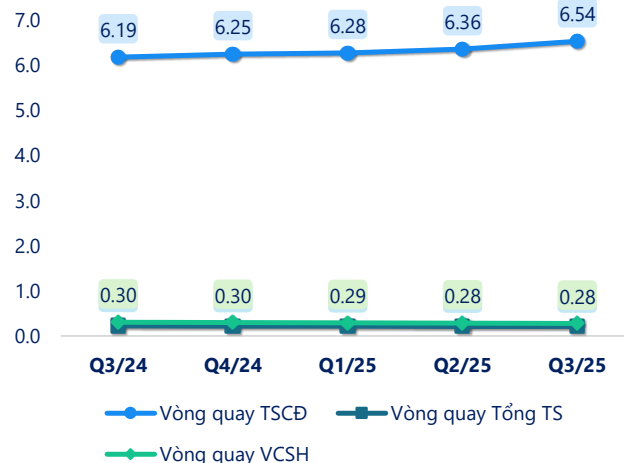
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,367	2,400	2,433	2,484	2,467
Tài sản ngắn hạn	243	259	271	335	299
Tiền và tương đương tiền	86.6	62.4	60.8	108	98.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130	158	173	178	164
Phải thu ngắn hạn	20.6	29.7	31.2	44.6	28.8
Hàng tồn kho	5.26	7.89	5.74	4.16	7.23
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	0.93	0.78	0.65	0.73
Tài sản dài hạn	2,124	2,141	2,161	2,149	2,169
Phải thu dài hạn	1.31	1.31	1.31	1.31	1.28
Tài sản cố định	80.1	80.0	80.0	77.8	75.4
Bất động sản đầu tư	681	674	665	656	647
Tài sản dở dang	320	320	320	321	321
Đầu tư tài chính dài hạn	1,024	1,049	1,079	1,078	1,110
Tài sản dài hạn khác	17.5	16.6	15.4	14.4	13.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	592	585	635	633	565
Nợ ngắn hạn	47.7	48.1	105	115	45.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.63	9.63	9.63	9.63	8.52
Phải trả người bán ngắn hạn	1.71	5.83	1.92	2.00	2.17
Nợ dài hạn	545	537	531	518	519
Vay và nợ thuê dài hạn	17.8	15.4	13.0	10.6	9.28
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,775	1,815	1,797	1,851	1,902
Vốn chủ sở hữu	1,775	1,815	1,797	1,851	1,902
Vốn điều lệ	866	866	866	866	866
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)